

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.20	0.03	0.15	0.00	3Y	0.72	-0.002
1W	1.31	0.02	0.19	0.00	5Y	1.14	-0.003
2W	1.43	0.03	0.24	0.00	7Y	1.43	0.002
1M	1.49	0.03	0.33	-0.01	10Y	2.35	-0.002
2M	1.58	0.04	0.43	0.02	15Y	2.59	-0.012
3M	1.64	0.01	0.53	0.01			
6M	1.90	0.01	0.86	0.03			
9M	2.56	0.03	1.17	0.02			
1Y	3.04	0.00	1.24	0.02			

Nguồn: Reuters

**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
19-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
18-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
17-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

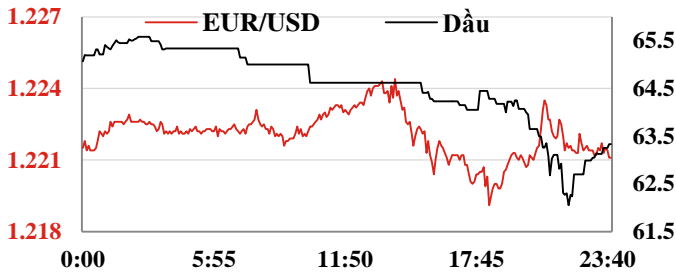
**Thị trường TPCP sơ cấp**

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	19-May-21	5	1500	1500	1.14%	-0.02%
MOF	19-May-21	10	7500	7500	2.34%	-0.01%
MOF	19-May-21	15	2500	2417	2.58%	-0.01%
MOF	19-May-21	20	500	80	2.90%	0.00%
<b>Tổng</b>			<b>12000</b>	<b>11497</b>		

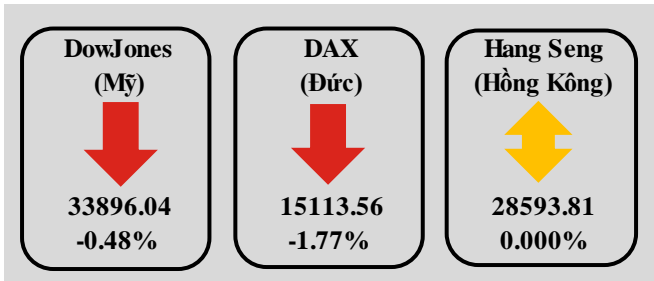
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1262.49	295.25	79.81
%/ngày	0.78%	0.21%	-0.31%
%/31/12/2020	14.37%	45.4%	7.2%
KLGD (tr.đ.vị)	694.35	127.04	37.9
GTGD (tỷ đ)	21593.89	2817.30	557.42
NDINN mua (tỷ đ)	1280.36	30.43	0.15
NDINN bán (tỷ đ)	1593.63	43.82	0.14

**Tin trong nước ngày 19/05**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 19/05, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.151 VND/USD, giảm mạnh 19 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.796 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.045 VND/USD, giảm 03 đồng so với phiên 18/05. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 30 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.230 - 23.280 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 19/05, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,20%; 1W 1,31%; 2W 1,43% và 1M 1,49%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở kỳ hạn 7Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,72%; 5Y 1,14%; 7Y 1,43%; 10Y 2,35%; 15Y 2,59%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 19/05, KBNN huy động thành công 11.497/12.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 96%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm và 10 năm huy động được toàn bộ 1.500 và 7.500 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 15 năm huy động được 2.417/2.500 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động được 80/500 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tại 1,14%/năm (-0,02%); 10 năm tại 2,34%/năm (-0,01%); 15 năm tại 2,58%/năm (-0,01%); kỳ hạn 20 năm tại 2,9%/năm (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, đà tăng của nhiều cổ phiếu lớn được kéo dài gần như hết phiên, giúp VN-Index có được mức tăng điểm mạnh, cũng như HNX-Index hồi phục trở lại sau thời gian giao dịch trong sắc đỏ. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 9,81 điểm (+0,78%) lên 1.262,49 điểm; HNX-Index tăng 0,61 điểm (+0,21%) lên 295,25 điểm; UPCoM-Index giảm 0,25 điểm (-0,31%) xuống 79,81 điểm. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 25.000 tỷ đồng. Khối ngoại duy trì bán ròng gần 327 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Hải quan, từ 01/05-15/05/2021, cán cân thương mại hàng hóa cả nước thâm hụt 1,93 tỷ USD, lũy kế từ đầu năm đến hết 15/05 nhập siêu 0,35 tỷ.** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa kỳ 1 tháng 5 đạt 11,89 tỷ USD, nhập khẩu đạt 13,82 tỷ. Lũy kế từ 01/01 đến hết kỳ 15/05, kim ngạch XK đạt 116,8 tỷ USD, kim ngạch NK đạt 117,15 tỷ. Tổng kim ngạch XNK từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo đạt 233,95 tỷ USD.



	19 May 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	90.19	0.49%	-0.58%	0.28%
USD/CNY	6.43	0.14%	-0.35%	-1.39%
USD/EUR	0.82	0.39%	-0.85%	0.34%
USD/JPY	109.21	0.30%	-0.40%	5.78%
USD/KRW	1131.18	0.38%	-0.14%	4.31%
USD/SGD	1.33	0.35%	0.04%	1.00%
USD/TWD	27.99	0.14%	-0.12%	-0.31%
USD/THB	31.41	0.03%	0.38%	4.56%
USD/VND Trung tâm	23151	-0.08%	0.01%	0.09%
USD/VND LNH	23045	-0.01%	-0.09%	-0.19%
USD/VND tự do	23230	0.13%	-0.09%	-0.30%
Vàng	1869.57	0.07%	2.98%	-1.42%
Dầu	63.36	-3.25%	-4.12%	30.59%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0616	-0.0013		
SW	0.0679	-0.0029		
1M	0.0965	-0.0028	0.2650	0.0000
2M	0.1275	0.0055		
3M	0.1493	-0.0060	0.4361	0.0006
6M	0.1836	-0.0001	0.5923	0.0006
1Y	0.2635	0.0008	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 18/05/2021

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	10/06/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	10/06/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	24/06/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/06/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

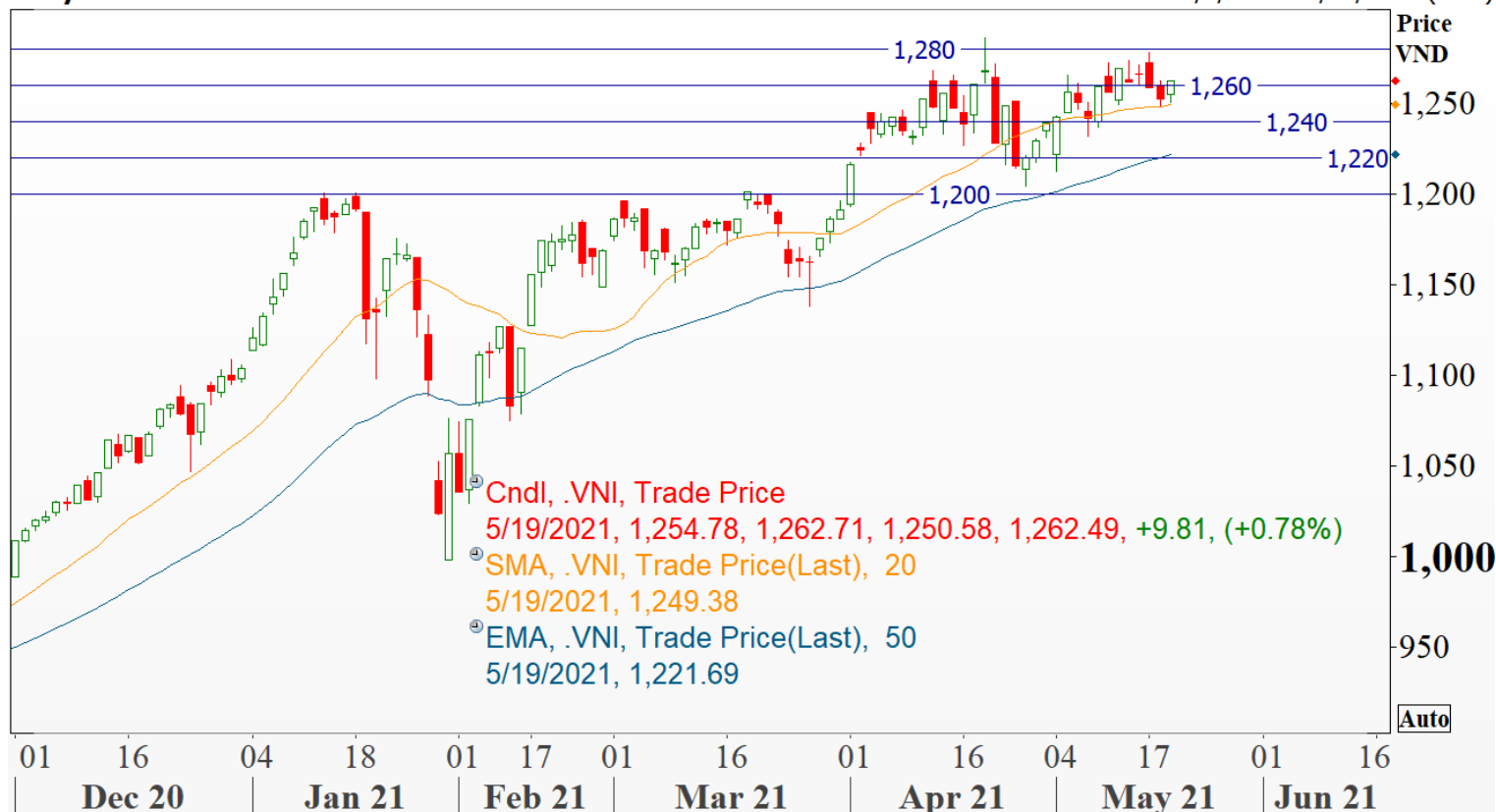
- Biên bản phiên họp chính sách tháng 4 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed vừa công bố cho thấy họ có thể xem xét lại chính sách nới lỏng hiện nay nếu kinh tế tiếp tục cải thiện nhanh chóng.** Điều quan trọng trong biên bản của Fed là một số thành viên của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang của Fed (FOMC) nói rằng nếu sự phục hồi kinh tế tiếp tục đạt được đà tăng tích cực, sẽ là thích hợp "vào một thời điểm nào đó" trong các cuộc họp sắp tới để thảo luận về việc thu hẹp chương trình mua tài sản hiện nay. Bảng cân đối tài sản của Fed hiện tại ở mức 7,9 nghìn tỷ USD, gần gấp đôi mức tại thời điểm trước đại dịch Covid-19. Các quan chức Fed vẫn nhắc lại rằng việc giá cả tăng hiện nay không tạo áp lực lạm phát trong dài hạn. Phát biểu sau khi công bố biên bản, Chủ tịch Fed Jerome Powell cho rằng sự phục hồi của nền kinh tế vẫn "không đồng đều và còn lâu mới hoàn thành", nền kinh tế vẫn chưa cho thấy tiêu chuẩn "tiền bộ đáng kể hơn nữa" mà Ủy ban đặt ra trước khi thay đổi chính sách.
- CPI tại Anh tăng mạnh do hiệu ứng số.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại quốc gia này lần lượt tăng 1,5% và 1,3% y/y trong tháng vừa qua, cùng cao hơn mức 0,7% và 1,1% của tháng trước đó. Giá cả ở một số lĩnh vực như điện và khí đốt đã không ngừng tăng lên trong các tháng đầu năm, đóng góp chủ yếu vào lạm phát chung của nước Anh. Ngoài ra còn có một số lĩnh vực khác là may mặc và bất động sản cũng cho thấy đà tăng giá đáng kể. Một yếu tố cộng hưởng là do dịch Covid-19 khiến cho CPI ở đầu năm 2020 trở thành mức nền thấp, và CPI ở đầu năm 2021 tăng vọt so cùng kỳ. NHTW Anh BOE dự báo CPI của nước Anh sẽ vào khoảng 2,5% y/y vào cuối năm 2021, tuy nhiên ở thời điểm hiện tại BOE vẫn giữ vững quan điểm giữ LSCS ở mức thấp nhằm hỗ trợ kinh tế, cho tới khi lạm phát được duy trì bền vững ở mức mục tiêu 2,0%.
- CPI tại khu vực Eurozone cũng có xu hướng tăng nhưng không quá mạnh.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết CPI toàn phần khu vực Eurozone chính thức tăng 1,6% y/y trong tháng 4, không thay đổi so với thống kê sơ bộ. Trong khi đó CPI lõi được điều chỉnh về mức tăng 0,7% y/y; thấp hơn một chút so với mức 0,8% theo sơ bộ. Tại khu vực EU27, CPI toàn phần chính thức tăng 2,0% y/y trong tháng vừa qua. Các chuyên gia cho biết CPI tại Eurozone tăng chậm hơn so với một số nền kinh tế phát triển khác do khu vực này thực hiện các biện pháp đóng cửa chặt chẽ hơn, đồng thời các chương trình triển khai vaccine chậm hơn đáng kể.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
19-05	13:00	**	CPI Anh yy T4	1.5	1.5	0.7
19-05	13:00	*	CPI lõi Anh yy T4	1.3	1.3	1.1
19-05	16:00	*	CPI chính thức Eurozone yy T4	1.6	1.6	1.6
19-05	16:00	**	CPI lõi chính thức Eurozone yy T4	0.7	0.8	0.8
20-05	1:00	**	Biên bản họp Fed tháng 4/2021			
20-05	8:30	***	Số thay đổi việc làm tại Úc T4		20.3K	70.7K
20-05	8:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Úc T4		5.6	5.6
20-05	13:00	*	PPI tại Đức mm T4		0.8	0.9
20-05	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		453K	473K

## VN-INDEX

Daily .VNI

12/1/2020 - 6/17/2021 (HAN)



VN-Index tiếp tục giảm xuống mức 1.252,68 điểm. Đồ thị ngày VN-Index xuất hiện cây nến xanh nhỏ, với giá đóng cửa nằm trên đường trung bình động SMA20 là tín hiệu khá tích cực, có khả năng chỉ số tiếp tục tăng trong phiên hôm nay.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.220 – 1.200

Ngưỡng kháng cự: 1.260 – 1.280

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)